

Số: /ĐA-UBND

Ô Diên, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
Sắp xếp thôn, tổ dân phố
trên địa bàn xã Ô Diên, thành phố Hà Nội năm 2026

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư.

Sau quá trình đô thị hóa, biến động dân cư, phát triển các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới và việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Ô Diên có nhiều thay đổi. Một số thôn, tổ dân phố có quy mô nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo quy định.

Theo quy định, đơn vị dân cư dưới xã là thôn, dưới phường là tổ dân phố. Tuy nhiên, do yếu tố lịch sử hình thành, quá trình đô thị hóa và việc sắp xếp đơn vị hành chính qua các thời kỳ, trên thực tế vẫn tồn tại những trường hợp địa bàn xã có tổ dân phố hoặc địa bàn phường có thôn. Vì vậy, việc sắp xếp phải căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư và các tiêu chuẩn quy định đối với từng loại hình, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Ô Diên là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, cơ sở hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản trị cơ sở trong giai đoạn mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

6. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

7. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

8. Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

9. Các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Nội vụ về sắp xếp thôn, tổ dân phố;

10. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn xã Ô Diên.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Ô Diên theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của xã; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

Gắn sắp xếp thôn, tổ dân phố với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; không mặc định loại hình thôn, tổ dân phố theo tên gọi đơn vị hành chính là xã hay phường.

2. Đối với xã Ô Diên, do địa phương đang trong quá trình đô thị hóa cao và có định hướng phát triển đô thị trong thời gian tới, việc sắp xếp thôn, tổ dân phố được nghiên cứu theo tiêu chuẩn áp dụng đối với phường, bảo đảm quy mô mỗi đơn vị sau sắp xếp có từ 700 hộ gia đình trở lên, phù hợp với định hướng phát triển và yêu cầu quản lý dân cư trên địa bàn.

3. Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND xã; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ưu tiên sáp nhập các thôn, tổ dân phố liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không thực hiện sắp xếp cơ học đối với các địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Đối với khu đô thị, chung cư, khu dân cư mới, việc thành lập hoặc điều chỉnh thôn, tổ dân phố phải căn cứ số hộ thực tế đã cư trú ổn định, điều kiện hạ tầng, địa bàn quản lý và khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

7. Tên gọi thôn, tổ dân phố sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng xã, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

8. Việc sắp xếp phải lấy ý kiến Nhân dân tại thôn, tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Xã Ô Diên có diện tích tự nhiên khoảng 32 km², dân số 100.461 người, 27.253 hộ gia đình. Trên địa bàn hiện có 59 thôn, cụm dân cư, tổ dân phố trong đó có 56 thôn, cụm dân cư và 03 tổ dân phố.

2. Hiện trạng số lượng, quy mô

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ | Dân số | Diện tích (ha) | Đặc điểm địa bàn | Định hướng |
|----|--------------------------------|------------|-------|--------|----------------|---------------------|------------|
| 1 | Cụm 1, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 444 | 1718 | 121 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 2 | Cụm 2, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 360 | 1483 | 74 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 3 | Cụm 3, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 511 | 2167 | 89 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 4 | Cụm 4 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 326 | 1260 | 32 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 5 | Cụm 5 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 393 | 1559 | 48 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 6 | Cụm 6 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 456 | 1836 | 21 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 7 | Cụm 7 thôn Bá Thị (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 203 | 831 | 53 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 8 | Cụm 8 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 450 | 1499 | 48 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 9 | Cụm 9, thôn Tiên Tân (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 539 | 2237 | 78 | Dân cư truyền thống | Giữ nguyên |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ | Dân số | Diện tích (ha) | Đặc điểm địa bàn | Định hướng |
|----|------------------------------|------------|-------|--------|----------------|---------------------|------------|
| 10 | Thôn Đông Lai (Liên Hồng) | Thôn | 586 | 2391 | 180 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 11 | Thôn Hữu Cước (Liên Hồng) | Thôn | 501 | 1987 | 129 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 12 | Thôn Tổ (Liên Hồng) | Thôn | 349 | 1273 | 142 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 13 | Thôn Thượng Tri (Liên Hồng) | Thôn | 773 | 2907 | 144 | Dân cư truyền thống | Giữ nguyên |
| 14 | Thôn Thượng Thôn 1 (Liên Hà) | Thôn | 627 | 2636 | 100 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 15 | Thôn Thượng Thôn 2 (Liên Hà) | Thôn | 527 | 2099 | 46 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 16 | Thôn Quý (Liên Hà) | Thôn | 624 | 2590 | 91 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 17 | Thôn Đoài (Liên Hà) | Thôn | 632 | 2491 | 32 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 18 | Thôn Trung 1 (Liên Trung) | Thôn | 703 | 2892 | 70 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 19 | Thôn Trung 2 (Liên Trung) | Thôn | 651 | 2674 | 67 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 20 | Thôn Hạ (Liên Trung) | Thôn | 786 | 3363 | 125 | Dân cư truyền thống | Giữ nguyên |
| 21 | Cụm 1, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 315 | 1235 | 47 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 22 | Cụm 2, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 283 | 1138 | 68 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 23 | Cụm 3, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 278 | 1008 | 55 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 24 | Cụm 4, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 335 | 1210 | 33 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 25 | Cụm 5, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 288 | 1066 | 29 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 26 | Cụm 6, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 264 | 962 | 33 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 27 | Cụm 7, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 212 | 902 | 31 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 28 | Cụm 8, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 210 | 765 | 45 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ | Dân số | Diện tích (ha) | Đặc điểm địa bàn | Định hướng |
|----|-----------------------------------|------------|-------|--------|----------------|---------------------|------------|
| 29 | Cụm 9 (Hạ Mỗ), thôn Trung Đích | Cụm dân cư | 235 | 990 | 24 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 30 | Cụm 10 (Hạ Mỗ), thôn Trúng Đích | Cụm dân cư | 221 | 856 | 19 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 31 | Cụm 1, thôn Vĩnh Kỳ Tân Hội | Cụm dân cư | 566 | 2045 | 39 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 32 | Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 614 | 2203 | 46 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 33 | Cụm 3, thôn Vĩnh Kỳ Tân Hội | Cụm dân cư | 580 | 2204 | 41 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 34 | Cụm 4, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 590 | 2090 | 44 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 35 | Cụm 5, thôn Phan Long (Tân Hội) | Cụm dân cư | 426 | 1464 | 42 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 36 | Cụm 6, thôn Phan Long (Tân Hội) | Cụm dân cư | 415 | 1479 | 43 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 37 | Cụm 7, thôn Thúc Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 404 | 1362 | 32 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 38 | Cụm 8, thôn Thúc Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 452 | 1544 | 35 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 39 | Cụm 9, thôn Thúc Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 499 | 1722 | 36 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 40 | Cụm 10, thôn Thúc Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 492 | 1699 | 38 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 41 | Cụm 11, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 533 | 1850 | 41 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 42 | Cụm 12, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 502 | 1660 | 45 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 43 | Cụm 13, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 437 | 1474 | 52 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 44 | Cụm 1, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 316 | 1072 | 35 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 45 | Cụm 2, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 390 | 1339 | 39 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ | Dân số | Diện tích (ha) | Đặc điểm địa bàn | Định hướng |
|----|---------------------------------|------------|-------|--------|----------------|---------------------|------------|
| 46 | Cụm 3, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 235 | 825 | 26 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 47 | Cụm 4, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 420 | 1455 | 43 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 48 | Cụm 5, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 407 | 1163 | 46 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 49 | Cụm 6, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 516 | 1740 | 58 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 50 | Cụm 7, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 544 | 1894 | 54 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 51 | Cụm 8, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 610 | 2067 | 65 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 52 | Cụm 9, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 450 | 1526 | 50 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 53 | Cụm 10, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 456 | 1573 | 20 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 54 | Cụm 11, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 500 | 1701 | 50 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 55 | Cụm 12, thôn Hạnh Đàn (Tân Lập) | Cụm dân cư | 407 | 1467 | 11 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 56 | Cụm 13, thôn Hạnh Đàn (Tân Lập) | Cụm dân cư | 375 | 1304 | 53 | Dân cư truyền thống | Sắp xếp |
| 57 | Tổ dân phố TTĐ 1 (Tân Lập) | TDP | 175 | 555 | 11 | khu đô thị | Sắp xếp |
| 58 | Tổ dân phố TTĐ 2 (Tân Lập) | TDP | 799 | 2585 | 3 | khu đô thị/chung cư | Sắp xếp |
| 59 | Tổ dân phố TTĐ 4 (Tân Lập) | TDP | 1061 | 3374 | 13 | khu đô thị/chung cư | Giữ nguyên |

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|--------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|-----------------|--|
| 1 | Cụm 1, thôn Bông Lai (Hong Hà) | Cụm dân cư | 444 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sắp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|--------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|---------------------|--|
| 2 | Cụm 2, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 360 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 3 | Cụm 3, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 511 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 4 | Cụm 4 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 326 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 5 | Cụm 5 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 393 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 6 | Cụm 6 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 456 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 7 | Cụm 7 thôn Bá Thị (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 203 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 8 | Cụm 8 thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 450 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 9 | Cụm 9, thôn Tiên Tân (Hồng Hà) | Cụm dân cư | 539 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Giữ nguyên, Đổi tên | Đạt điều kiện tiêu chuẩn, đặc thù địa bàn |
| 10 | Thôn Đông Lai (Liên Hồng) | Thôn | 586 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 11 | Thôn Hữu Cước (Liên Hồng) | Thôn | 501 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 12 | Thôn Tô (Liên Hồng) | Thôn | 349 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 13 | Thôn Thượng Trì (Liên Hồng) | Thôn | 773 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Giữ nguyên | Đảm bảo đủ các điều kiện tiêu chuẩn |
| 14 | Thôn Thượng Thôn 1 (Liên Hà) | Thôn | 627 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|---------------------|--|
| 15 | Thôn Thượng Thôn 2 (Liên Hà) | Thôn | 527 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 16 | Thôn Quý (Liên Hà) | Thôn | 624 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 17 | Thôn Đoài (Liên Hà) | Thôn | 632 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 18 | Thôn Trung 1 (Liên Trung) | Thôn | 703 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 19 | Thôn Trung 2 (Liên Trung) | Thôn | 651 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 20 | Thôn Hạ (Liên Trung) | Thôn | 786 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Giữ nguyên, Đổi tên | |
| 21 | Cụm 1, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 315 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 22 | Cụm 2, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 283 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 23 | Cụm 3, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 278 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 24 | Cụm 4, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 335 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 25 | Cụm 5, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 288 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 26 | Cụm 6, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 264 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 27 | Cụm 7, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 212 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|---------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|-----------------|--|
| 28 | Cụm 8, thôn Hạ Mỗ (Hạ Mỗ) | Cụm dân cư | 210 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 29 | Cụm 9 (Hạ Mỗ), thôn Trung Đích | Cụm dân cư | 235 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 30 | Cụm 10 (Hạ Mỗ), thôn Trúng Đích | Cụm dân cư | 221 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 31 | Cụm 1, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 566 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 32 | Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 614 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 33 | Cụm 3, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 580 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 34 | Cụm 4, thôn Vĩnh Kỳ (Tân Hội) | Cụm dân cư | 590 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 35 | Cụm 5, thôn Phan Long (Tân Hội) | Cụm dân cư | 426 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 36 | Cụm 6, thôn Phan Long (Tân Hội) | Cụm dân cư | 415 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 37 | Cụm 7, thôn Thúy Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 404 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 38 | Cụm 8, thôn Thúy Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 452 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 39 | Cụm 9, thôn Thúy Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 499 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 40 | Cụm 10, thôn Thúy Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 492 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|-----------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|-----------------|--|
| 41 | Cụm 11, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 533 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 42 | Cụm 12, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 502 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 43 | Cụm 13, thôn Thượng Hội (Tân Hội) | Cụm dân cư | 437 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 44 | Cụm 1, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 316 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 45 | Cụm 2, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 390 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 46 | Cụm 3, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 235 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 47 | Cụm 4, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 420 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 48 | Cụm 5, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 407 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 49 | Cụm 6, thôn Hạ Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 516 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 50 | Cụm 7, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 544 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 51 | Cụm 8, thôn Ngọc Kiệu (Tân Lập) | Cụm dân cư | 610 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 52 | Cụm 9, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 450 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 53 | Cụm 10, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 456 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |

| TT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ hiện có | Tiêu chuẩn áp dụng | Đạt/chưa đạt | Phương án xử lý | Lý do |
|----|-----------------------------------|------------|---------------|-------------------------------------|--------------|---------------------|--|
| 54 | Cụm 11, thôn Đan Hội (Tân Lập) | Cụm dân cư | 500 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 55 | Cụm 12, thôn Hạnh Đàn (Tân Lập) | Cụm dân cư | 407 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 56 | Cụm 13, thôn Hạnh Đàn (Tân Lập) | Cụm dân cư | 375 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 57 | Tổ dân phố Tân Tây Đô 1 (Tân Lập) | TDP | 175 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Chưa đạt | Sáp nhập | Nhằm đảm bảo điều kiện định hướng lên phường |
| 58 | Tổ dân phố Tân Tây Đô 2 (Tân Lập) | TDP | 799 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Sáp nhập | Do TTĐ 1 chưa đảm bảo điều kiện |
| 59 | Tổ dân phố Tân Tây Đô 4 (Tân Lập) | TDP | 1061 | Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP | Đạt | Giữ nguyên, đổi tên | Không còn các TDP cũ theo số thứ tự |

4. Hiện trạng và định hướng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

Theo quy định tại Điều 21, Nghị quyết 21/2026/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội: đối với thôn có từ 800 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1000 hộ trở lên được bố trí tối đa 05 người hoạt động không chuyên trách; đối với các thôn, tổ dân phố còn lại được bố trí 04 người hoạt động không chuyên trách.

| Chức danh/Nội dung | Hiện có | Sau sắp xếp | Tăng/giảm | Ghi chú |
|--|---------|-------------|-----------|---|
| Trưởng thôn/Tổ trưởng TDP | 55 | 23 | Giảm 32 | |
| Bí thư chi bộ | 59 | 23 | Giảm 36 | |
| Trưởng ban công tác Mặt trận | 05 | 23 | Tăng 18 | |
| Người hoạt động không chuyên trách khác theo quy định (Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng TDP) | 0 | 41 | Tăng 41 | 05 thôn bố trí 01 Phó trưởng thôn; 18 thôn, TDP đủ điều kiện bố trí 02 Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng TDP |

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

| Nội dung | Trước sắp xếp | Sau sắp xếp | Tăng/giảm |
|--|---------------|-------------|-----------|
| Tổng số thôn, tổ dân phố | 59 | 23 | Giảm 36 |
| Số thôn | 56 | 21 | Giảm 35 |
| Số tổ dân phố | 03 | 02 | Giảm 01 |
| Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | 119 | 110 | Giảm 09 |
| Số chi bộ | 59 | 23 | Giảm 36 |
| Số Ban công tác Mặt trận | 59 | 23 | Giảm 36 |

2. Phương án sáp nhập

Việc sáp nhập các thôn, cụm dân cư, tổ dân phố là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương do một số chưa đảm bảo có từ 500 hộ gia đình trở lên đối với tiêu chuẩn thôn và định hướng lên phường trong thời gian tới phải đảm bảo đạt điều kiện có từ 700 hộ gia đình trở lên theo quy định tại Điều 10, Nghị định 185/2026/NĐ-CP. Các cộng đồng dân cư được sắp xếp đều có vị trí địa lý liền kề, dân cư sinh sống tập trung, có mối quan hệ gắn bó lâu đời trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội. Nhân dân thường xuyên tham gia các hoạt động cộng đồng, lễ hội truyền thống. Bên cạnh đó, các dòng họ lớn trên địa bàn sinh sống quây quần, có quan hệ huyết thống, hôn nhân và giao lưu cộng đồng chặt chẽ, tạo nên sự đồng thuận cao trong đời sống dân cư.

Việc sáp nhập không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; các giao dịch hành chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt cộng đồng vẫn được duy trì ổn định. Việc sắp xếp sẽ bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, phát huy hiệu quả các nguồn lực hiện có, giảm đầu mối tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư. Qua đó góp phần xây dựng khu dân cư đoàn kết, ổn định và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.1. Sáp nhập Cụm 1 và Cụm 2, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) thành thôn Bồng Lai

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 1, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) | Cụm 2, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) | Sau sáp nhập: Thôn Bồng Lai |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Số hộ | 444 | 360 | 804 |
| Dân số | 1718 | 1483 | 3201 |
| Diện tích (ha) | 121 | 74 | 195 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | | 01 Nhà văn hóa |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn Bồng Lai (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Bồng Lai đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân, được sử dụng ổn định qua nhiều thế hệ, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp. Việc giữ nguyên tên gọi Bồng Lai góp phần gìn giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.2. Sáp nhập Cụm 3, Cụm 4 và Cụm 5, thôn Bá Nội (Hồng Hà) thành thôn Bá Dương Nội

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 3, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm 4, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm 5, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Sau sáp nhập: Thôn Bá Dương Nội |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--|
| Số hộ | 511 | 326 | 393 | 1230 |
| Dân số | 2167 | 1260 | 1559 | 4986 |
| Diện tích (ha) | 89 | 32 | 48 | 169 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Bá Dương Nội (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Bá Dương Nội đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân, sử dụng ổn định qua nhiều thế hệ, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp. Việc giữ nguyên tên

gọi truyền thống góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.3. Sáp nhập Cụm 6 thôn Bá Nội, Cụm 7 thôn Bá Thị và Cụm 8, thôn Bá Nội (Hồng Hà) thành thôn Bá Giang

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 6, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Cụm 7, thôn Bá Thị (Hồng Hà) | Cụm 8, thôn Bá Nội (Hồng Hà) | Sau sáp nhập: Thôn Bá Giang |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--|
| Số hộ | 456 | 203 | 450 | 1109 |
| Dân số | 1836 | 831 | 1499 | 4166 |
| Diện tích (ha) | 21 | 53 | 48 | 122 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Bá Giang (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi này đã được Nhân dân biết đến, sử dụng ổn định qua nhiều thế hệ, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp. Việc giữ nguyên tên gọi truyền thống góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.4. Sáp nhập thôn Đông Lai, thôn Hữu Cước, thôn Tổ (Liên Hồng) thành thôn Liên Hồng

| Nội dung /Tên gọi | Thôn Đông Lai (Liên Hồng) | Thôn Hữu Cước (Liên Hồng) | Thôn Tổ (Liên Hồng) | Sau sáp nhập: Thôn Liên Hồng |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------|--|
| Số hộ | 586 | 501 | 349 | 1436 |
| Dân số | 2391 | 1987 | 1273 | 5651 |
| Diện tích (ha) | 180 | 129 | 142 | 451 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 3 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Liên Hồng nhằm kế thừa tên gọi của xã cũ, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên Liên Hồng đã ăn sâu vào tiềm

thức của Nhân dân địa phương, đồng thời mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.5. Sáp nhập thôn Thượng Thôn 1 và thôn Thượng Thôn 2 (Liên Hà) thành thôn Thượng Thôn

| Nội dung /Tên gọi | Thôn Thượng Thôn 1 | Thôn Thượng Thôn 2 | Sau sáp nhập: Thôn Thượng Thôn |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|
| Số hộ | 627 | 527 | 1154 |
| Dân số | 2636 | 2099 | 4735 |
| Diện tích (ha) | 100 | 46 | 146 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Thượng Thôn (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Thượng Thôn đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương, sử dụng ổn định qua nhiều thế hệ, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp. Việc giữ nguyên tên gọi truyền thống góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.6. Sáp nhập thôn Quý và thôn Đoài (Liên Hà) thành thôn Liên Hà

| Nội dung /Tên gọi | Thôn Quý (Liên Hà) | Thôn Đoài (Liên Hà) | Sau sáp nhập: Thôn Liên Hà |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| Số hộ | 624 | 632 | 1256 |
| Dân số | 2590 | 2491 | 5081 |
| Diện tích (ha) | 91 | 32 | 123 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Liên Hà nhằm kế thừa tên gọi của xã cũ, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối

với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.7. Sáp nhập thôn Trung 1 và thôn Trung 2 (Liên Trung) thành thôn Liên Trung

| Nội dung /Tên gọi | Thôn Trung 1 (Liên Trung) | Thôn Trung 2 (Liên Trung) | Sau sáp nhập: Thôn Liên Trung |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|
| Số hộ | 703 | 651 | 1354 |
| Dân số | 2892 | 2674 | 5566 |
| Diện tích (ha) | 70 | 67 | 137 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Liên Trung nhằm kế thừa tên gọi của xã cũ, gắn liền với quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Liên Trung đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.8. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3, Cụm 4 (Hạ Mỗ) thành thôn Hạ Mỗ

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 1 (Hạ Mỗ) | Cụm 2 (Hạ Mỗ) | Cụm 3 (Hạ Mỗ) | Cụm 4 (Hạ Mỗ) | Sau sáp nhập: Thôn Hạ Mỗ |
|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--|
| Số hộ | 315 | 283 | 278 | 335 | 1211 |
| Dân số | 1235 | 1138 | 1008 | 1210 | 4591 |
| Diện tích (ha) | 47 | 68 | 55 | 33 | 203 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 03 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Hạ Mỗ (vừa là tên xã cũ, vừa là tên thôn có từ thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên thôn Hạ Mỗ đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và

có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.9. Sáp nhập Cụm 5, Cụm 6, Cụm 7, Cụm 8, Cụm 9, Cụm 10 (Hạ Mỗ) thành thôn Duyên Thành

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 5 (Hạ Mỗ) | Cụm 6 (Hạ Mỗ) | Cụm 7 (Hạ Mỗ) | Cụm 8 (Hạ Mỗ) | Cụm 9 (Hạ Mỗ) | Cụm 10 (Hạ Mỗ) | Sau sáp nhập: Thôn Duyên Thành |
|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--|
| Số hộ | 288 | 264 | 212 | 210 | 235 | 221 | 1430 |
| Dân số | 1066 | 962 | 902 | 765 | 990 | 856 | 5541 |
| Diện tích (ha) | 29 | 33 | 31 | 45 | 24 | 19 | 181 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 05 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Duyên Thành. Tên gọi “Duyên” có nghĩa mếp nước; “Thành” có nghĩa thành quách. Duyên Thành có nghĩa ngôi làng (huong, ấp) nằm ven (bên) sông có thành, quách. Cư dân các cụm 5,6,7,8,9,10 (khu vực Hạ Mỗ) xưa (và nay) đều sinh sống bên ven bờ dòng sông Nhuệ và thành cổ Ô Diên. Tên gọi Duyên Thành mang ý nghĩa gắn với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn, gìn giữ, tự hào với bản sắc của vùng đất Ô Diên giàu truyền thống lịch sử văn hoá.

2.10. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3, Cụm 4 (Tân Hội) thành thôn Vĩnh Kỳ

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 1 (Tân Hội) | Cụm 2 (Tân Hội) | Cụm 3 (Tân Hội) | Cụm 4 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Vĩnh Kỳ |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|--|
| Số hộ | 566 | 614 | 580 | 590 | 2350 |
| Dân số | 2045 | 2203 | 2204 | 2090 | 8542 |
| Diện tích (ha) | 39 | 46 | 41 | 44 | 170 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 03 Điểm sinh hoạt cộng đồng |

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 1 (Tân Hội) | Cụm 2 (Tân Hội) | Cụm 3 (Tân Hội) | Cụm 4 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Vĩnh Kỳ |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------------------|
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Vĩnh Kỳ (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Vĩnh Kỳ đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.11. Sáp nhập Cụm 5, Cụm 6 (Tân Hội) thành thôn Phan Long

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 5 (Tân Hội) | Cụm 6 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Phan Long |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|---|
| Số hộ | 426 | 415 | 841 |
| Dân số | 1464 | 1479 | 2943 |
| Diện tích (ha) | 42 | 43 | 85 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Phan Long (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Phan Long đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.12. Sáp nhập Cụm 7, Cụm 8, Cụm 9, Cụm 10 (Tân Hội) thành thôn Thúy Hội

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 7 (Tân Hội) | Cụm 8 (Tân Hội) | Cụm 9 (Tân Hội) | Cụm 10 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Thúy Hội |
|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------------------------|
| Số hộ | 404 | 452 | 499 | 492 | 1847 |
| Dân số | 1362 | 1544 | 1722 | 1699 | 6327 |

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 7 (Tân Hội) | Cụm 8 (Tân Hội) | Cụm 9 (Tân Hội) | Cụm 10 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Thúy Hội |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|--|
| Diện tích (ha) | 32 | 35 | 36 | 38 | 141 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 0 | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Thúy Hội (tên thôn có từ trước thế kỷ XIX) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Thúy Hội đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.13. Sáp nhập Cụm 11, Cụm 12, Cụm 13 (Tân Hội) thành thôn Thượng Hội

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 11 (Tân Hội) | Cụm 12 (Tân Hội) | Cụm 13 (Tân Hội) | Sau sáp nhập: Thôn Thượng Hội |
|--------------------------------------|------------------|------------------|------------------|--|
| Số hộ | 533 | 502 | 437 | 1472 |
| Dân số | 1850 | 1660 | 1474 | 4984 |
| Diện tích (ha) | 41 | 45 | 52 | 138 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Thượng Hội (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Thượng Hội đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.14. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3 (Tân Lập) thành thôn Kim Ngọc

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 1 (Tân Lập) | Cụm 2 (Tân Lập) | Cụm 3 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Kim Ngọc |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|--|
| Số hộ | 316 | 390 | 235 | 941 |
| Dân số | 1072 | 1339 | 825 | 3236 |
| Diện tích (ha) | 35 | 39 | 26 | 100 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau khi thực hiện sắp xếp, tên gọi thôn Kim Ngọc được lựa chọn trên cơ sở kế thừa các yếu tố lịch sử, văn hóa và truyền thống của địa phương. Tên gọi này được hình thành từ sự kết hợp hài hòa giữa các khu dân cư gồm Trại Kim Âu, Trại Ngọc Kiều và Trại Ngọc Trúc, trong đó giữ lại những thành tố tiêu biểu đã gắn bó với đời sống của Nhân dân qua nhiều thế hệ. Đặc biệt, tên gọi Kim Ngọc không phải là tên gọi mới hoàn toàn mà đã xuất hiện trong lịch sử địa phương từ trước năm 1945, được ghi nhận trong tài liệu Làng xã ngoại thành Hà Nội (NXB Hà Nội, năm 1985). Việc lựa chọn tên gọi này vì vậy không chỉ bảo đảm tính kế thừa mà còn góp phần khôi phục, gìn giữ và phát huy giá trị của một địa danh đã từng hiện hữu trong tiến trình hình thành và phát triển của vùng đất. Việc lựa chọn tên thôn Kim Ngọc không chỉ đáp ứng yêu cầu về tổ chức đơn vị dân cư sau sắp xếp mà còn thể hiện sự trân trọng đối với lịch sử, gìn giữ ký ức cộng đồng, tạo sự liên kết về tinh thần giữa các thế hệ cư dân.

2.15. Sáp nhập Cụm 4, Cụm 5, Cụm 6 (Tân Lập) thành thôn Hạ Hội

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 4 (Tân Lập) | Cụm 5 (Tân Lập) | Cụm 6 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Hạ Hội |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|--|
| Số hộ | 420 | 407 | 516 | 1343 |
| Dân số | 1455 | 1163 | 1740 | 4358 |
| Diện tích (ha) | 43 | 46 | 58 | 162 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Hạ Hội (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Hạ Hội đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.16. Sáp nhập Cụm 7, Cụm 8 (Tân Lập) thành thôn Ngọc Kiệu

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 7 (Tân Lập) | Cụm 8 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Ngọc Kiệu |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|--|
| Số hộ | 544 | 610 | 1154 |
| Dân số | 1894 | 2067 | 3961 |
| Diện tích (ha) | 54 | 65 | 119 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Ngọc Kiệu (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Ngọc Kiệu đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.17. Sáp nhập Cụm 9, Cụm 10, Cụm 11 (Tân Lập) thành thôn Đan Hội

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 9 (Tân Lập) | Cụm 10 (Tân Lập) | Cụm 11 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Đan Hội |
|--------------------------------------|-----------------|------------------|------------------|--|
| Số hộ | 450 | 456 | 500 | 1406 |
| Dân số | 1526 | 1573 | 1701 | 4800 |
| Diện tích (ha) | 50 | 20 | 50 | 120 |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 02 Điểm sinh hoạt cộng đồng |

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 9 (Tân Lập) | Cụm 10 (Tân Lập) | Cụm 11 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Đan Hội |
|------------------------------------|-----------------|------------------|------------------|----------------------------|
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Đan Hội (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Đan Hội đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.18. Sáp nhập Cụm 12, Cụm 13 (Tân Lập) thành thôn Hạnh Đàn

| Nội dung /Tên gọi | Cụm 12 (Tân Lập) | Cụm 13 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: Thôn Hạnh Đàn |
|--------------------------------------|------------------|------------------|--|
| Số hộ | 407 | 375 | 782 |
| Dân số | 1467 | 1304 | 2771 |
| Diện tích (ha) | 11 | 53 | 47 (Chuyển 17ha đất nông nghiệp về địa bàn TDP Tân Lập) |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 5 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi thôn mới là Hạnh Đàn (tên thôn cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Hạnh Đàn đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2.19. Sáp nhập Tổ dân phố Tân Tây Đô 1 và Tổ dân phố Tân Tây Đô 2 (Tân Lập) thành Tổ dân phố Tân Lập

| Nội dung /Tên gọi | TDP Tân Tây Đô 1 (Tân Lập) | TDP Tân Tây Đô 2 (Tân Lập) | Sau sáp nhập: TDP Tân Lập |
|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------|--|
| Số hộ | 175 | 799 | 974 |
| Dân số | 555 | 2585 | 3140 |
| Diện tích (ha) | 11 | 3 | 31 (Do thêm 17ha đất nông nghiệp từ Cụm 13 (Tân Lập)) |
| Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa | 01 Nhà văn hóa; 01 Điểm sinh hoạt cộng đồng |
| Người hoạt động không chuyên trách | 2 | 2 | 4 |

Sau sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi tổ dân phố mới là Tân Lập (tên xã cũ) nhằm kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại trong lịch sử, gắn liền với quá trình hình thành, phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi Tân Lập đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương từ xưa đến nay, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

3. Phương án giữ nguyên và đổi tên

| STT | Tên thôn/TDP | Tên gọi mới | Loại hình | Số hộ | Dân số | Lý do giữ nguyên |
|-----|--------------------------------|-------------|-----------|-------|--------|--|
| 1 | Cụm 9, thôn Tiên Tân (Hồng Hà) | Tiên Tân | Thôn | 539 | 2237 | Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định, đặc thù địa bàn ngăn cách với khu vực khác bởi quai đê Tiên Tân |
| 2 | Thôn Hạ (Liên Trung) | Hạ Tri | Thôn | 786 | 3363 | Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định |
| 3 | Tân Tây Đô 4 | Tân Tây Đô | TDP | 1061 | 3374 | Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định |

3.1. Giữ nguyên và đổi tên Cụm 9, thôn Tiên Tân (Hồng Hà) thành thôn Tiên Tân

Việc lựa chọn tên gọi mới là Tiên Tân (tên thôn cũ) là cần thiết do không còn tổ chức cộng đồng cụm dân cư, tên thôn vừa kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, vừa gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi này đã được Nhân dân biết đến, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với

khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

3.2. Giữ nguyên và đổi tên thôn Hạ (Liên Trung) thành thôn Hạ Trì

Việc lựa chọn tên gọi mới là Hạ Trì, tên cổ có từ thế kỷ XIX đã được ghi trong sách tên làng xã Việt Nam, là một xã thuộc tổng Hạ Trì xưa. Hiện công làng và một số di tích vẫn ghi tên Hạ Trì. Việc đổi tên vừa kế thừa tên gọi truyền thống đã tồn tại từ lâu đời, vừa gắn liền với lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tên gọi này đã được Nhân dân biết đến, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa sâu sắc và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

3.3. Giữ nguyên và đổi tên Tổ dân phố Tân Tây Đô 4 thành Tổ dân phố Tân Tây Đô

Sau sắp xếp, địa phương không còn duy trì các tổ dân phố theo thứ tự cũ (Tổ dân phố Tân Tây Đô 1 và Tổ dân phố Tân Tây Đô 2). Vì vậy, việc đổi tên tổ dân phố mới vừa bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức mới, thuận tiện cho công tác quản lý nhà nước, giao dịch hành chính và sinh hoạt của Nhân dân, vừa kế thừa tên gọi đã tồn tại từ trước, được Nhân dân biết đến và có tính đại diện cao đối với khu dân cư sau sắp xếp góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

4. Phương án giữ nguyên

| STT | Tên thôn/TDP | Loại hình | Số hộ | Dân số | Lý do giữ nguyên |
|-----|-----------------------------|-----------|-------|--------|--|
| 1 | Thôn Thượng Trì (Liên Hồng) | Thôn | 773 | 2907 | Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định; đặc thù địa bàn ngăn cách với khu vực khác bởi quai đê Liên Trì |

VII. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP

1. Tổng quan

| TT | Tên thôn/TDP sau sắp xếp | Ranh giới phía Đông | Ranh giới phía Tây | Ranh giới phía Nam | Ranh giới phía Bắc |
|----|--------------------------|---------------------|------------------------|--|---------------------------------|
| 1 | Thôn Bồng Lai | Giáp thôn Liên Hồng | Giáp Thôn Bá Dương Nội | Giáp Đất nông nghiệp Thôn Bá Dương Nội | Giáp xã Mê Linh |
| 2 | Thôn Bá Dương Nội | Giáp thôn Bồng Lai | Giáp Thôn Bá Giang | Giáp Thôn Tiên Tân, Thôn Hạ Mỗ | Giáp xã Yên Lãng, Thôn Bá Giang |

| TT | Tên thôn/TDP sau sắp xếp | Ranh giới phía Đông | Ranh giới phía Tây | Ranh giới phía Nam | Ranh giới phía Bắc |
|----|--------------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|---|
| 3 | Thôn Bá Giang | Giáp Thôn Bá Dương Nội | Giáp Sông Hồng, xã Liên Minh | Giáp Thôn Tiên Tân | Giáp xã Yên Lãng |
| 4 | Thôn Tiên Tân | Giáp Thôn Bá Dương Nội | Giáp xã Liên Minh | Giáp Thôn Hạ Mỗ | Giáp Thôn Bá Giang |
| 5 | Thôn Liên Hồng | Giáp thôn Thượng Trì, xã Mê Linh | Giáp Thôn Bồng Lai | Giáp Thôn Duyên Thành | Giáp xã Mê Linh |
| 6 | Thôn Thượng Trì | Giáp thôn Thượng Thôn, xã Mê Linh | Giáp thôn Liên Hồng | Giáp Thôn Duyên Thành | Giáp Thôn Liên Hồng, xã Mê Linh |
| 7 | Thôn Thượng Thôn | Giáp Thôn Liên Hà, xã Mê Linh | Giáp Thôn Thượng Trì | Giáp Thôn Thúy Hội, xã Liên Hà | Giáp xã Mê Linh |
| 8 | Thôn Liên Hà | Giáp Thôn Liên Trung | Giáp Thôn Thượng Thôn | Giáp Thôn Thúy Hội | Giáp xã Mê Linh |
| 9 | Thôn Liên Trung | Giáp Thôn Hạ Trì | Giáp Thôn Liên Hà | Giáp Thôn Thượng Hội | Giáp xã Mê Linh |
| 10 | Thôn Hạ Trì | Giáp phường Thượng Cát | Giáp Thôn Liên Trung | Giáp Thôn Kim Ngọc | Giáp xã Mê Linh |
| 11 | Thôn Hạ Mỗ | Giáp Thôn Duyên Thành | Giáp xã Liên Minh | Giáp xã Liên Minh, Thôn Duyên Thành | Giáp thôn Tiên Tân |
| 12 | Thôn Duyên Thành | Giáp Thôn Thúy Hội, đất nông nghiệp Thôn Thượng Thôn | Giáp xã Liên Minh | Giáp Thôn Vĩnh Kỳ | Giáp Thôn Hạ Mỗ, Thôn Liên Hồng, Thôn Bá Dương Nội, Thôn Thượng Trì |
| 13 | Thôn Vĩnh Kỳ | Giáp Thôn Thúy Hội, | Giáp xã Đan Phượng | Giáp Thôn Phan Long | Giáp Thôn Duyên Thành |
| 14 | Thôn Phan Long | Giáp Thôn Thượng Hội | Giáp xã Hoài Đức | Giáp Thôn Đan Hội, xã Hoài Đức | Giáp Thôn Vĩnh Kỳ |
| 15 | Thôn Thúy Hội | Giáp Thôn Liên Hà, Thôn Thượng Hội | Giáp Thôn Vĩnh Kỳ | Giáp Thôn Thượng Hội | Giáp Thôn Duyên Thành |
| 16 | Thôn Thượng Hội | Giáp Thôn Kim Ngọc | Giáp Thôn Thúy Hội | Giáp Thôn Ngọc Kiệu | Giáp Thôn Liên Hà |

| TT | Tên thôn/TDP sau sắp xếp | Ranh giới phía Đông | Ranh giới phía Tây | Ranh giới phía Nam | Ranh giới phía Bắc |
|----|--------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 17 | Thôn Kim Ngọc | Giáp Phường Thượng Cát | Giáp Thôn Thượng Hội | Giáp Thôn Hạ Hội | Giáp Thôn Hạ Trì, Thôn Liên Trung |
| 18 | Thôn Hạ Hội | Giáp Phường Tây Tựu | Giáp Thôn Ngọc Kiệu | Giáp xã Hoài Đức | Giáp Thôn Ngọc Kiệu, thôn Kim Ngọc |
| 19 | Thôn Ngọc Kiệu | Giáp Thôn Hạ Hội | Giáp Thôn Đan Hội | Giáp Thôn Hạnh Đàn | Giáp Thôn Thượng Hội, Thôn Kim Ngọc |
| 20 | Thôn Đan Hội | Giáp Thôn Ngọc Kiệu | Giáp xã Hoài Đức | Giáp TDP Tân Tây Đô, TDP Tân Lập | Giáp Thôn Phan Long |
| 21 | Thôn Hạnh Đàn | Giáp Thôn Ngọc Kiệu | Giáp Thôn Đan Hội | Giáp TDP Tân Lập, xã Hoài Đức | Giáp Thôn Đan Hội, Thôn Ngọc Kiệu |
| 22 | Tổ dân phố Tân Lập | Giáp xã Hoài Đức | Giáp TDP Tân Tây Đô | Giáp xã Hoài Đức | Giáp Thôn Đan Hội, Thôn Hạnh Đàn |
| 23 | Tổ dân phố Tân Tây Đô | Giáp TDP Tân Lập | Giáp xã Hoài Đức | Giáp xã Hoài Đức | Giáp Thôn Đan Hội |

2. Hồ sơ ranh giới chi tiết

(Có sơ đồ/bản đồ hiện trạng kèm theo)

VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

- Đối tượng: Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với đại diện hộ gia đình tại các thôn, tổ dân phố chịu tác động trực tiếp của phương án sắp xếp.

- Nội dung lấy ý kiến gồm phương án sắp xếp và tên gọi của thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.

- Hình thức lấy ý kiến: Tổ chức cuộc họp tại cộng đồng dân cư theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;

- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;

- Danh sách đại diện hộ gia đình thuộc địa bàn chịu tác động;

- Biên bản hội nghị lấy ý kiến đại diện hộ gia đình;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;
- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

IX. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động về tổ chức

Việc sắp xếp làm giảm 36 thôn, tổ dân phố, tương ứng giảm 36 đầu mỗi tự quản ở cộng đồng dân cư; góp phần tinh gọn tổ chức, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành của UBND xã và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn dân cư.

2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách

Sau sắp xếp, số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố giảm từ 119 người xuống còn 110 người, giảm 09 người; đồng thời phải bảo đảm chế độ, chính sách, tâm tư, nguyện vọng của người không tiếp tục tham gia theo quy định.

3. Tác động về ngân sách

Việc sắp xếp dự kiến giúp giảm chi phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; đồng thời phát sinh một số khoản chi ban đầu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân, in ấn tài liệu, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu, biển tên, cơ sở vật chất và chính sách đối với người không tiếp tục tham gia.

4. Tác động đến người dân

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ công dân; không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm ảnh hưởng đến giấy tờ pháp lý cá nhân, hộ gia đình nếu pháp luật không yêu cầu điều chỉnh.

5. Tác động đến quản lý nhà nước

Sau sắp xếp, UBND xã có điều kiện quản lý địa bàn tập trung hơn, thuận lợi trong cập nhật dữ liệu dân cư, triển khai dịch vụ công, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

X. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

UBND xã xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các thôn, tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy xã; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND xã xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa

phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết của HĐND xã cần thể hiện rõ phạm vi quyết định đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn, không chỉ ghi riêng “thôn” hoặc “tổ dân phố” nếu địa bàn có cả hai loại hình. Danh sách cụ thể thôn, tổ dân phố sau sắp xếp nên trình bày tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết để bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho công bố, lưu trữ và tổ chức thực hiện.

Hồ sơ trình gồm:

1. Tờ trình của UBND xã;
2. Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND xã;
4. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân.

XI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

| Giai đoạn | Thời gian dự kiến | Nội dung chủ yếu | Cơ quan chủ trì/phối hợp |
|-------------------------|--|---|----------------------------------|
| Rà soát, xây dựng Đề án | Hoàn thành trước ngày 14/6/2026 | Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án | UBND xã |
| Công khai dự thảo Đề án | Từ ngày 15/6/2026 đến hết ngày 22/6/2026 | Công khai đến Nhân dân trên địa bàn xã | UBND xã |
| Lấy ý kiến Nhân dân | Từ ngày 15/6/2026 đến hết ngày 22/6/2026 | Tổ chức hội nghị lấy ý kiến đại diện hộ gia đình; tổng hợp, tiếp thu, giải trình | UB MTTQ xã; UBND xã; thôn, TDP |
| Trình HĐND xã | Dự kiến ngày 25/6/2026 | Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND xã xem xét, quyết định | UBND xã |
| Tổ chức thực hiện | Trước ngày 30/6/2026 | Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu | UBND xã và các cơ quan liên quan |

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tham mưu xây dựng Đề án, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ Đề án trình HĐND xã xem xét quyết định theo thẩm quyền;

tham mưu phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội chuẩn bị kỳ họp, công bố, lưu trữ hồ sơ, theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết sau khi được thông qua; tham mưu giải quyết đơn thư, khiếu nại, phản ánh kiến nghị (nếu có).

3. Phòng Kinh tế xã

Chủ trì rà soát ranh giới thôn, tổ dân phố; lập sơ đồ, bản đồ hiện trạng và xác định địa giới hành chính sau sắp xếp; tham mưu phương án bàn giao, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công, thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật có liên quan sau sắp xếp.

4. Công an xã

Chịu trách nhiệm rà soát số hộ, dân số, biến động dân cư, địa bàn quản lý, tình hình an ninh trật tự; đánh giá tác động của phương án sắp xếp đến công tác quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy, an ninh cơ sở, trật tự đô thị, trật tự công cộng.

Chủ trì phối hợp với các thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh thông tin về cư trú (địa chỉ thôn, tổ dân phố mới) trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho toàn bộ công dân trên địa bàn.

Chủ động xây dựng Kế hoạch, bố trí lực lượng cấp lưu động hoặc hướng dẫn người dân đình chính, thay đổi thông tin trên căn cước công dân (khi người dân có nhu cầu) một cách thuận tiện, nhanh chóng.

Nắm chắc tình hình dư luận xã hội, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh về an ninh, trật tự trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố.

5. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã

Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nội dung Đề án đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn.

Tuyên truyền các mô hình hay, cách làm sáng tạo, các tập thể, cá nhân đi đầu, gương mẫu trong việc thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố để lan tỏa hiệu ứng tích cực.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia tổ chức lấy ý kiến đại diện hộ gia đình; giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để UBND xã tiếp thu, giải trình.

Tiếp nhận, tổng hợp tâm tư, nguyện vọng và ý kiến phản ánh của Nhân dân trong quá trình sắp xếp thôn, tổ dân phố để kịp thời phản ánh với Đảng ủy, UBND xã xem xét, giải quyết.

7. Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận, Trưởng thôn, Cụm trưởng cụm dân cư, Tổ trưởng tổ dân phố

Tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp; phối hợp tham gia tổ chức hội nghị lấy ý kiến Nhân dân; thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài liệu, công việc theo quy định.

Đối với các thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp: Nhanh chóng ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ dữ liệu quản lý từ các thôn, tổ dân phố cũ; Xây dựng quy chế làm việc mới; thiết lập ngay các kênh thông tin để duy trì hoạt động tự quản liên tục, không bị gián đoạn./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Nội vụ TP Hà Nội;
- TT. Đảng ủy, HĐND, HĐND xã;
- Các Ban Đảng, Ủy ban MTTQ VN xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Các Chi bộ, Ban Công tác MT, thôn, cụm dân cư, TDP;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đỗ Chí Hưng

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN..... | 1 |
| II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN | 1 |
| III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU | 2 |
| 1. Mục đích | 2 |
| 2. Yêu cầu | 3 |
| IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP | 3 |
| V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ | 4 |
| 1. Khái quát đặc điểm địa bàn | 4 |
| 2. Hiện trạng số lượng, quy mô | 4 |
| 3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý..... | 7 |
| 4. Hiện trạng và định hướng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách..... | 12 |
| VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ | 13 |
| 1. Tổng hợp phương án chung..... | 13 |
| 2. Phương án sáp nhập..... | 13 |
| 2.1. Sáp nhập Cụm 1 và Cụm 2, thôn Bồng Lai (Hồng Hà) thành thôn Bồng Lai | 14 |
| 2.2. Sáp nhập Cụm 3, Cụm 4 và Cụm 5, thôn Bá Nội (Hồng Hà) thành thôn Bá Dương Nội..... | 14 |
| 2.3. Sáp nhập Cụm 6 thôn Bá Nội, Cụm 7 thôn Bá Thị và Cụm 8, thôn Bá Nội (Hồng Hà) thành thôn Bá Giang | 15 |
| 2.4. Sáp nhập thôn Đông Lai, thôn Hữu Cước, thôn Tô (Liên Hồng) thành thôn Liên Hồng..... | 15 |
| 2.5. Sáp nhập thôn Thượng Thôn 1 và thôn Thượng Thôn 2 (Liên Hà) thành thôn Thượng Thôn..... | 16 |
| 2.6. Sáp nhập thôn Quý và thôn Đoài (Liên Hà) thành thôn Liên Hà..... | 16 |
| 2.7. Sáp nhập thôn Trung 1 và thôn Trung 2 (Liên Trung) thành thôn Liên Trung | 17 |
| 2.8. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3, Cụm 4 (Hạ Mỗ) thành thôn Hạ Mỗ..... | 17 |
| 2.9. Sáp nhập Cụm 5, Cụm 6, Cụm 7, Cụm 8, Cụm 9, Cụm 10 (Hạ Mỗ) thành thôn Duyên Thành..... | 18 |
| 2.10. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3, Cụm 4 (Tân Hội) thành thôn Vĩnh Kỳ . | 18 |
| 2.11. Sáp nhập Cụm 5, Cụm 6 (Tân Hội) thành thôn Phan Long | 19 |
| 2.12. Sáp nhập Cụm 7, Cụm 8, Cụm 9, Cụm 10 (Tân Hội) thành thôn Thúy Hội | 19 |
| 2.13. Sáp nhập Cụm 11, Cụm 12, Cụm 13 (Tân Hội) thành thôn Thượng Hội .. | 20 |
| 2.14. Sáp nhập Cụm 1, Cụm 2, Cụm 3 (Tân Lập) thành thôn Kim Ngọc | 21 |
| 2.15. Sáp nhập Cụm 4, Cụm 5, Cụm 6 (Tân Lập) thành thôn Hạ Hội | 21 |
| 2.16. Sáp nhập Cụm 7, Cụm 8 (Tân Lập) thành thôn Ngọc Kiệu | 22 |

| | |
|--|-----------|
| 2.17. Sáp nhập Cụm 9, Cụm 10, Cụm 11 (Tân Lập) thành thôn Đan Hội | 22 |
| 2.18. Sáp nhập Cụm 12, Cụm 13 (Tân Lập) thành thôn Hạnh Đàn | 23 |
| 2.19. Sáp nhập Tổ dân phố Tân Tây Đô 1 và Tổ dân phố Tân Tây Đô 2 (Tân Lập) thành Tổ dân phố Tân Lập | 23 |
| 3. Phương án giữ nguyên và đổi tên | 24 |
| 3.1. Giữ nguyên và đổi tên Cụm 9, thôn Tiên Tân (Hồng Hà) thành thôn Tiên Tân | 24 |
| 3.2. Giữ nguyên và đổi tên thôn Hạ (Liên Trung) thành thôn Hạ Trì | 25 |
| 3.3. Giữ nguyên và đổi tên Tổ dân phố Tân Tây Đô 4 thành Tổ dân phố Tân Tây Đô | 25 |
| 4. Phương án giữ nguyên | 25 |
| VII. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP | 25 |
| 1. Tổng quan | 25 |
| 2. Hồ sơ ranh giới chi tiết | 27 |
| VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN..... | 27 |
| 1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến | 27 |
| 2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến | 27 |
| IX. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP | 28 |
| 1. Tác động về tổ chức..... | 28 |
| 2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách | 28 |
| 3. Tác động về ngân sách..... | 28 |
| 4. Tác động đến người dân | 28 |
| 5. Tác động đến quản lý nhà nước..... | 28 |
| X. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH | 28 |
| XI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN..... | 29 |
| XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN | 29 |
| 1. Phòng Văn hóa - Xã hội | 29 |
| 2. Văn phòng HĐND và UBND xã | 30 |
| 3. Phòng Kinh tế xã | 30 |
| 4. Công an xã | 30 |
| 5. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã..... | 30 |
| 6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã | 30 |
| 7. Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận, Trưởng thôn, Cụm trưởng cụm dân cư, Tổ trưởng tổ dân phố | 31 |